BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐHSP NGHỆ THUẬT TW

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

KẾ HOẠCH ĐÀO TẠO TOÀN KHÓA NGÀNH SƯ PHẠM MỸ THUẬT

HỆ ĐẠI HỌC KHÓA 16 (2021 - 2025)

TT	Học kỳ	Mã HP	KHỐI KIẾN THỨC - HỌC PHẦN	Tổng số TC	Học kỳ I				Học kỳ II				Học kỳ III				Học kỳ IV				Học kỳ V				Học kỳ VI				Học kỳ VII				Học kỳ VIII				Ghi chú
					Số TC	Lý thuyết	Thực hành	Tự học	Số TC	Lý thuyết	Thực hành	Tự học	Số TC	Lý thuyết	Thực hành	Tự học	Số TC	Lý thuyết	Thực hành	Tự học	Số TC	Lý thuyết	Thực hành	Tự học	Số TC	Lý thuyết	Thực hành	Tự học	Số TC	Lý thuyết	Thực hành	Tự học	Số TC	Lý thuyết	Thực hành	Tự học	
I		M1	**KHỐI KIẾN THỨC CHUNG**	***27***																																	
			Các học phần bắt buộc	***27***																																	
1	1	POL2009	Triết học Mác-Lênin	3	3	32	8	5																													
2	2	POL2010	Kinh tế chính trị Mác-Lênin	2					2	20	8	2																									
3	3	POL2011	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2									2	20	8	2																					
4	4	POL2003	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2													2	20	8	2																	
5	5	POL2013	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2																	2	20	8	2													
6	7	POL2007	Pháp luật đại cương	2																									2	20	8	2					
7	6	INF2001	Tin học cơ bản	2																					2	5	15	10									
8	1	CFL2001	Tiếng Anh 1	4	4	16	40	4																													
9	2	CFL2002	Tiếng Anh 2	3					3	22	20	3																									
10	1	PPE2010	Giáo dục thể chất 1	2	2	3	25	2																													
11	2	PPE2011	Giáo dục thể chất 2	3					3	5	37	3																									
11		GDQP	Giáo dục quốc phòng																																		
11		M2	**KHỐI KIẾN THỨC CƠ BẢN CHUNG CỦA NHÓM NGÀNH**	**11**																																	
11			***Các học phần bắt buộc***	***9***																																	
12	7	PPE2008	Phương pháp Nghiên cứu khoa học	2																									2	20	8	2					
13	3	FAE2072	Mỹ học	2									2	20	8	2																					
14	4	FAE2092	Đại cương các loại hình nghệ thuật (SPMT)	2													2	20	8	2																	
15	6	CLM2001	Cơ sở văn hóa Việt Nam	3																					3	30	12	3									
15			*Các học phần tự chọn*	***2 /8***																																	
15		PPE2003	Quản lý HCNN & Quản lý ngành GD&ĐT	2																																	
16	5	CFL2008	Tiếng việt thực hành	2																	2	10	18	2													
16		CLM2004	Lịch sử văn minh thế giới	2																																	
16		FAE2076	Lịch sử nghệ thuật	2																																	
16		M3	**KHỐI KIẾN THỨC CƠ SỞ NGÀNH**	**17**																																	
16			***Các học phần bắt buộc***	***15***																																	
17	5	FAE2093	Lịch sử Mỹ thuật Thế giới và Việt nam	3																	3	30	12	3													
18	6	FAE2086	Lý luận và phê bình Mỹ thuật	2																					2	20	23	2									
19	3	FAE2077	Giải phẫu tạo hình	2									2	8	20	2																					
20	2	FAE2078	Luật xa gần	2					2	8	20	2																									
21	4	FAE2096	Mỹ thuật học	2													2	20	8	2																	
22	3	FAE2073	Tin học chuyên ngành	2									2	8	20	2																					
23	5	CFL2003	Tiếng Anh chuyên ngành (MT)	2																	2	5	20	5													
23			*Các học phần tự chọn*	***2 /6***																																	
24	4	FAE2056	Cơ sở tạo hình	2													2	8	20	2																	
24		FAE2058	Nghiên cứu Mỹ thuật cổ	2																																	
24		FAE2057	Mỹ thuật đương đại	2																																	
24		M4	**KHỐI KIẾN THỨC CHUYÊN NGÀNH**	**45**																																	
24			***Các học phần bắt buộc***	***41***																																	
25	1	FAE2047	Hình họa 1	2	2	2	26	2																													
26	2	FAE2048	Hình họa 2	2					2	2	26	2																									
27	3	FAE2049	Hình họa 3	2									2	2	26	2																					
28	4	FAE2050	Hình họa 4	2													2	2	26	2																	
29	5	FAE2001	Hình họa 5	2																	2	2	26	2													
30	6	FAE2002	Hình họa 6	2																					2	2	26	2									
31	7	FAE2003	Hình họa 7	3																									3	2	41	2					
32	1	FAE2051	Trang trí cơ bản 1	2	2	2	26	2																													
33	2	FAE2052	Trang trí cơ bản 2	2					2	2	26	2																									
34	3	FAE2088	Trang trí ứng dụng	2									2	2	26	2																					
35	4	FAE2018	Nghệ thuật thiết kế	2													2	2	26	2																	
36	1	FAE2053	Bố cục cơ bản	2	2	2	26	2																													
37	5	FAE2006	Bố cục chất liệu Sơn dầu 1	2																	2	2	26	2													
38	4	FAE2007	Bố cục chất liệu lụa 1	2													2	2	26	2																	
39	5	FAE2008	Bố cục chất liệu Khắc gỗ	2																	2	2	26	2													
40	6	FAE2009	Bố cục chất liệu Sơn mài 1	2																					2	2	26	2									
41	7	FAE2010	Bố cục chất liệu tự chọn	2																									2	2	26	2					
42	4	FAE2054	Điêu khắc	2													2	2	26	2																	
43	7	FAE2089	Nghệ thuật tạo hình không gian 2D, 3D	2																									2	2	26	2					
44	2	FAE2027	Ký họa	2					2	2	26	2																									
44			*Các học phần tự chọn*	***4 /12***																																	
44		FAE2016	Chất liệu màu nước	2																																	
45	6	FAE2017	In độc bản	2																					2	2	26	2									
46	6	FAE2090	Mỹ thuật Sân khấu biểu diễn	2																					2	2	26	2									
46		FAE2082	Tạo hình và khối không gian																																		
46		FAE2091	Nghệ thuật trang trí kiến trúc	2																																	
46		FAE2046	Nghiên cứu tác phẩm của các danh họa	2																																	
46		FAE2015	Chất liệu tổng hợp	2																																	
46		M5	**KHỐI KIẾN THỨC THỰC TẾ VÀ TỐT NGHIỆP**	**17**																																	
46			***Các học phần bắt buộc***	***15***																																	
47	3	FAE2094	Phương pháp dạy học Mỹ thuật 1	3									3	15	27	3																					
48	4	FAE2095	Phương pháp dạy học Mỹ thuật 2	2													2	13	15	2																	
49	1	PPE2001	Tâm lý học	3	3	22	20	3																													
50	2	PPE2002	Giáo dục học	4					4	30	28	2																									
51	3	PPE2028	Rèn luyện nghiệp vụ sư phạm	3									3	10	20	15																					
51			*Các học phần tự chọn*	***2 /4***																																	
52	5	FAE2097	Trải nghiệm hoạt động Mỹ thuật	2																	2	8	20	2													
52			Tâm lý học Nghệ thuật	2																																	
52		M6	**KHỐI KIẾN THỨC THỰC TẾ CHUYÊN MÔN, THỰC TẬP VÀ TỐT NGHIỆP**	**22**																																	
52			***Khối kiến thức thực tế, thực tập nghề nghiệp***	***12***																																	
53	3	FAE2011	Thực tế chuyên môn 1	2									2	2	2	26																					
54	5	FAE2012	Thực tế chuyên môn 2	2																	2	2	2	26													
55	6	FAE2013	Thực tế chuyên môn 3	2																					2	2	2	26									
56	4	FAE2021	Thực tập sư phạm 1	2													2																				
57	7	FAE2022	Thực tập sư phạm 2	4																									4								
57	4		*Khối kiến thức tốt nghiệp*	***10 /10***																																	
58	8	FAE2020	Sáng tác Mỹ thuật (HP tốt nghiệp)	5																													5				
59	8	FAE2083	Khóa luận/Hoạt động SPMT tổng hợp	5																													5				
			Tổng số tín chỉ:	**139**	**18**				**20**				**20**				**20**				**19**				**17**				**15**				**10**				
			Tổng số tiết lý thuyết:	139		79				91				87				89				81				65				46							
			Tổng số tiết thực hành:	1105			171				191				157				163				158				156				109						
			Tổng số tiết tự học:	217				20				18				56				18				46				49				10					

Tổng số tín chỉ của khóa học đã bao gồm 5 tín chỉ học phần Giáo dục thể chất

Hà Nội, ngày……tháng.....năm.....

Người lập biểu	Khoa giáo dục đại cương	Khoa Sư phạm Mỹ thuật	Phòng Đào tạo	HIỆU TRƯỞNG
Phạm Thị Thu Hương	Lương Thanh Hải	Nguyễn Thị May	Nguyễn Văn Định	PGS.TS. Đào Đăng Phượng